TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2026/HNGĐ-PT
Ngày 12 - 5 - 2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Bùi Anh Tuấn

Bà Hoàng Thị Hải Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy An - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2026/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 44/2026/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 19/2026/QĐ-PT ngày 14 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị R, sinh ngày 15/11/1990. Số CCCD: 094190006204, cấp ngày 20/02/2023; địa chỉ cư trú: Khóm X, phường H, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, Luật sư của Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh C (Có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc T, sinh ngày 12/8/1982. Số CCCD: 096082011386, cấp ngày 13/7/2021; địa chỉ cư trú: Khóm X, phường H, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Trần Thị R.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và các lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị R và bị đơn ông Nguyễn Quốc T thống nhất trình bày:

- *Về hôn nhân:* Bà Trần Thị R và ông Nguyễn Quốc T kết hôn vào năm 2015, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn tại UBND xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau, giấy chứng nhận kết hôn số

65/2015, quyển số 01/2015, ngày 06/7/2015. Quá trình chung sống bà R cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thành, vợ chồng đã ly thân nhau hơn 03 tháng nay, không ai quan tâm đến ai, nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên bà R yêu cầu được ly hôn với ông T. Ông T không đồng ý ly hôn vì cho rằng vợ chồng có bất đồng quan điểm nhưng chưa đến mức trầm trọng, việc bà R bất ngờ nộp đơn ly hôn thì ông không biết, nếu bà R cương quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống, bà R và ông T có 02 con chung là tên Nguyễn Xuân N1, sinh ngày 24/12/2015 và Nguyễn Trần Xuân T1, sinh ngày 20/7/2022. Hiện hai con đang sống với bà R. Bà R yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu ông Trung cấp D nuôi con do bà nhận thấy đủ điều kiện về kinh tế, thời gian để chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con, hiện tại bà có cơ sở kinh doanh Spa thu nhập hàng tháng bình quân là 9.000.000 đồng và có thời gian đưa đón con đi học.

Ông T đề nghị mỗi người nuôi 01 con, ông yêu cầu được nuôi cháu Xuân N1, giao cháu Xuân T1 cho bà R trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con do ông nhận thấy bà R hiện ở tại cơ sở kinh doanh Spa, đây là địa chỉ do bà R thuê nên không ổn định, mặt khác thu nhập hàng tháng theo trình bày của bà R bình quân 9.000.000 đồng là không thể bảo đảm điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng cả hai con ăn học cho đến trưởng thành, trong khi ông hiện đang làm việc tại Công ty có thu nhập ổn định hàng tháng là 35.000.000 đồng và có nhà ở ổn định. Ngoài ra, trong thời gian bà R đi học nghề ở Sóc Trăng hơn 01 năm thì cháu Xuân N1 sống cùng ông, sau khi bà R học nghề về thì cháu N1 cũng sống cùng với gia đình ông cho đến khi bà R mở cơ sở kinh doanh Spa.

- *Về tài sản chung*: Bà R và ông T thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ nội dung trên, tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 44/2026/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau đã quyết định:

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Thị R ly hôn với ông Nguyễn Quốc T.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Xuân N1, sinh ngày 24/12/2015 cho ông Nguyễn Quốc Trung trực T2 nuôi dưỡng, giao con chung tên Nguyễn Trần Xuân T1, sinh ngày 20/7/2022 cho bà Trần Thị R trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Bà R, ông T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Không có.

4/ Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

- Ngày 03/3/2026 nguyên đơn bà Trần Thị R kháng cáo sửa một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình số 44/2026/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau về con chung, giao cả 02 con chung cho bà R trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Trần Thị R khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Quốc T yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con; ông T cư trú tại phường H, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau thụ lý giải quyết quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ. Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về nội dung: Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 44/2026/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau đã tuyên xử về hôn nhân cho bà R được ly hôn với ông T; tài sản chung, nợ chung không có, không xem xét giải quyết. Xét thấy, sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị đối với các nội dung này nên các nội dung này của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà R về việc không đồng ý giao cháu Nguyễn Xuân N1 cho ông Trung trực T2 nuôi dưỡng, bà R yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung:

[3.1] Xét thấy, cấp sơ thẩm căn cứ điều kiện về mọi mặt của người trực tiếp nuôi con như điều kiện về kinh tế, nơi cư trú ổn định để quyết định giao con, cụ thể thu nhập bình quân hàng tháng theo trình bày của bà R là 9.000.000 đồng, ông T có thu nhập ổn định là 35.000.000 đồng. Chứng cứ chứng minh thu nhập của bà R chỉ là lời trình bày, không có văn bản, chứng cứ chứng minh đây là mức thu nhập

ổn định, còn ông T cung cấp xác nhận thông tin thu nhập của Công ty TNHH MTV C.

Mặt khác, bà R đang sinh sống tại cơ sở S là chỗ thuê trong khi ông T có nơi ở ổn định. Do đó, để bảo đảm tốt nhất quyền lợi mọi mặt của con chung và đảm bảo quyền, nghĩa vụ của cả cha và mẹ đối với các con chung sau khi ly hôn nên cấp sơ thẩm đã giao cháu N1 cho ông T, giao cháu T1 cho bà R trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đã xem xét và đánh giá chứng cứ khách quan, toàn diện.

[3.2] Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, ông T cung cấp chứng cứ là "Đơn trình bày nguyện vọng của con" của cháu Nguyễn Xuân N1 thể hiện cháu N1 muốn sống chung với cha để đảm bảo thuận tiện cho việc đi học; ông T còn cung cấp Xác nhận của nhà trường nơi cháu N1 đang đi học về việc cháu N1 đang học lớp 5^{C} tại trường Tiểu học H cách nơi cư trú hiện tại khóm X, phường H, tỉnh Cà Mau khoản 300m và cung cấp Xác nhận thông tin cư trú của Công an phường H thể hiện cháu Nguyễn Xuân N1 đang thường trú với cha là ông T (chủ hộ) tại khóm X, phường H, tỉnh Cà Mau, không có nơi tạm trú. Như vậy, ông T đủ điều kiện về tài chính, cơ sở vật chất, nơi cư trú ổn định, có thể trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N1, đảm bảo sự ổn định, tránh xáo trộn môi trường sống, môi trường học tập của cháu N1 nên giao cháu N1 cho ông T nuôi dưỡng là phù hợp.

[3.3] Tại cấp phúc thẩm, bà R cung cấp xác nhận của trưởng ấp H, xã N, thành phố Cần Thơ thể hiện bà R đang có nhà, đất tại ấp H, xã N, thành phố Cần Thơ, tuy nhiên, do cháu N1 đang sinh sống, học tập ổn định tại khóm X, phường H, tỉnh Cà Mau nên cần giữ ổn định cho cháu N1 như đã nhận định trên. Mặt khác, trong thủ tục tranh luận, luật sư của nguyên đơn có cung cấp đoạn Video thể hiện hình ảnh cháu N1 và cho rằng cháu N1 đang trình bày về việc bị ông T ép buộc nguyện vọng muốn sống với cha, xét thấy, chứng cứ do ông T cung cấp là "Đơn trình bày nguyện vọng của con" của cháu Nguyễn Xuân N1 không có xác nhận của chính quyền địa phương và chứng cứ do bà R cung cấp là đoạn Video ghi hình cháu N1 cũng không có căn cứ thể hiện có phải do cháu N1 tự nguyện trình bày hay không. Do đó, nguyện vọng của cháu N1 muốn được sống với cha hay mẹ chỉ là một trong các căn cứ để Tòa án xem xét, đánh giá và kết hợp với các chứng cứ khách quan khác như điều kiện kinh tế, nơi ở ổn định, của ông T, bà R, nơi cháu N1 đang học tập ổn định để quyết định giao cháu N1 cho người nuôi dưỡng trực tiếp, tạo điều kiện cho sự phát triển lành mạnh, đầy đủ và tốt nhất cho cháu N1. Bà R kháng cáo không đồng ý giao cháu N1 cho ông T nuôi dưỡng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông T thuộc trường hợp bị cấm hoặc hạn chế quyền nuôi con, không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà là có căn cứ và hợp pháp. Việc bà R cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm giao 02 con chung cho 02 người nuôi dưỡng làm ảnh hưởng tâm sinh lý của trẻ, tuy nhiên, tại phiên tòa bà R xác định nơi bà R đang thuê để bà R vừa sinh sống với cháu Xuân T1, vừa làm nơi kinh doanh rất gần nhà anh T và cháu N1 đang ở nên bà R và ông T cần sắp xếp thời gian để 02 con chung có điều kiện gặp gỡ thường xuyên, tránh ảnh hưởng tâm sinh lý của cả 02 con chung. Như đã phân tích, không

có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà R về việc giao cả 02 người con chung cho bà R trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà R, giao cháu N1 cho bà R trực tiếp nuôi dưỡng. Như đã nhận định từ mục [3.1] đến [3.3] của bản án, không có căn cứ chấp nhận đề nghị của Luật sư.

[5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà R, sửa 01 phần Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 44/2026/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau, giao cả 02 con chung cho bà R nuôi dưỡng là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà R kháng cáo và không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí phúc thẩm, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm được chuyển thu án phí toàn bộ.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị R; giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 44/2026/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Thị R ly hôn với ông Nguyễn Quốc T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Xuân N1, sinh ngày 24/12/2015 cho ông Nguyễn Quốc Trung trực T2 nuôi dưỡng, giao con chung tên Nguyễn Trần Xuân T1, sinh ngày 20/7/2022 cho bà Trần Thị R trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Bà R, ông T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí:

5.1. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị R phải chịu 300.000 đồng. Ngày 02/12/2025 bà R đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo lai thu số 0005761 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

5.2. Án phí phúc thẩm: Buộc bà Trần Thị R phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà R đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0002244 ngày 03/3/2026 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh C được chuyển thu án phí toàn bộ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Cà Mau (01 bản);
- TAND Khu vực 1 – Cà Mau (01 bản);
- Phòng THADS Khu vực 1 – Cà Mau (01 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP (02 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Minh Nguyệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Anh Tuấn Hoàng Thị Hải Hà Châu Minh Nguyệt